

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2018/HSPT

Ngày: 09 - 4 - 2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các Thẩm phán:

1. Ông Y Phi Kbuôr.
2. Ông Trương Công Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 09/4/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2018/HSPT ngày 27/02/2018, đối với bị cáo Phạm Đình D, về tội “Trộm cắp tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án số 16/2018/HSST ngày 22/01/2018, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Phạm Đình D (Tên gọi khác: B); Sinh năm: 1966; Tại tỉnh Đắk Lắk; Trú tại: 130 ĐTH, phường TA, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Phạm Đình T (Đã chết) và bà Ngô Thị C; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hoài Tr. Tiền án: 02 tiền án gồm: Ngày 04/11/1991 bị Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, tuyên phạt 20 năm tù về tội “Cướp tài sản”, “Trộm cắp tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam giữ” theo Bản án số 478/1991/HSPT đến ngày 08/7/2010 chấp hành xong hình phạt; ngày 08/5/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 25/2015/HSST đến ngày 05/5/2016 chấp hành xong hình phạt. Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 16/7/1985 bị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 15 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 56/1985/HSST; ngày 06/10/1986 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra quyết định tập trung giáo dục cải tạo những phần tử có hành vi nguy hại cho xã hội từ ngày 16/9/1986 đến ngày 16/9/1989.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2017 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bị hại:* Ông Lâm Hoàng V – sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Trú tại: Số 18/4 ĐNC, phường TT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị D – sinh năm: 1946; Trú tại: T6, xã HP, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Chí Th – sinh năm: 1967; trú tại: Số 177/14 NVC, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 15/11/2017 sau khi nhậu xong ở quán nhậu vỉa hè tại khu vực Tượng đài liệt sỹ thành phố BMT trên đường LD, Phạm Đình D điều khiển xe Mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva, màu xanh, biển kiểm soát: 47F7- 4968 đi từ đường LD qua đường TL hướng ra đường ĐTH để về nhà. Khi đi đến khu vực ngã ba đường TL – ĐTH thuộc địa bàn phường TA, thành phố BMT. Lúc này, D thấy có một chiếc xe ô tô tải loại 13 tấn, biển kiểm soát 47C- 099.99, nhãn hiệu: Chenglong (do anh Nguyễn Chí Th đứng tên chủ sở hữu giao cho anh Lâm Hoàng V là người lái xe thuê nhận quản lý sử dụng) đang đậu ở bên đường, thấy không có người trông coi, nhớ lại trước đó 03 ngày D có gặp một nam thanh niên nghiện ma túy tên T1 (không rõ nhân thân lai lịch) thì T1 nói với D có thể lấy trộm bình ắc quy xe ô tô để bán lấy tiền mua ma túy, thì D nảy sinh ý định trộm cắp bình ắc quy của xe ô tô tải trên để mang bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Sau đó, D điều khiển xe mô tô về nhà tại 130 ĐTH, phường TA, thành phố BMT, lấy một chiếc mỏ lết bằng kim loại dài 37cm rồi điều khiển xe mô tô quay lại khu vực nơi xe Ô tô tải biển kiểm soát 47C- 099.99 đang đậu. Đến nơi, D dựng xe mô tô ở phía sau đuôi xe ô tô rồi đi bộ ra phía bên hông phải xe nơi gắn bình ắc quy. D dùng tay mở chiếc nắp nhựa màu đen che phía trên bình ắc quy ra, thì thấy có 02 chiếc bình ắc quy nhãn hiệu DONGNAI, loại 150AH, màu trắng, kích thước (53 x 22 x 17)cm đặt sát bên cạnh nhau, nên D nảy sinh ý định lấy trộm cả 02 chiếc bình ắc quy trên, D tháo rời chiếc nắp nhựa

trên bỏ xuống nền đường và đang sử dụng mỏ lết tháo bình ắc quy. Lúc này, anh V đang nằm chơi game ở trên cabin xe nghe tiếng động phía bên hông phải xe nên mở cửa xe ra kiểm tra, phát hiện D đang trộm cắp bình ắc quy xe ô tô, anh V tri hô “Trộm, trộm...”. Thấy vậy, D liền bỏ chạy bộ vào trong hẻm 103 TL, thành phố BMT gần đó để trốn, thì bị anh V cùng người dân đi đường đuổi theo giữ lại cùng tang vật là chiếc mỏ lết và giao cho Cơ quan Công an xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 293/KLĐG, ngày 17/11/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố BMT kết luận: 02 bình ắc quy hiệu DONGNAI, loại 150AH, màu trắng, đã qua sử dụng, trị giá: 02 bình x 1.500.000 đồng/bình = 3.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 14/KSĐT-HS ngày 27/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo Phạm Đình D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ Luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/2018/HSST ngày 22/01/2018, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

- Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017;
- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; các điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuyên bố: bị cáo Phạm Đình D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Phạm Đình D 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, ngày 16/11/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/01/2018, bị cáo Phạm Đình D có đơn kháng cáo bản án với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Đình D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt 03 năm tù mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 BLTTHS năm 2015, không chấp nhận khags cáo của bị cáo – giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 15/11/2017 bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm 02 chiếc bình ắc quy nhãn hiệu DONGNAI, loại 150AH, màu trắng, kích thước (53 x 22 x 17)cm của chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 47C-099.99 đang đậu tại ngã ba đường TL – ĐTH thuộc địa bàn phường TA, thành phố BMT để bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Đình D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét mức hình phạt 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc bởi lẽ: “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung tăng nặng tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” và “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Bị cáo phạm tội chưa đạt theo Điều 18 BLHS năm 1999 (nay là Điều 15 BLHS 2015) vì hai bình ắc quy vẫn còn ở trên xe, bị cáo chưa lấy được và bình ắc quy vẫn chưa rời khỏi vị trí ban đầu của nó nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 52 BLHS năm 1999 (nay là Điều 57 BLHS năm 2015) khi quyết định hình phạt cho bị cáo là thiếu sót, cần khắc phục. Vì vậy, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[3] Về án phí:

Án phí HSPT: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo Phạm Đình D không chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Đình D

– Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 16/2018/HSST ngày 22/01/2018, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; Điều 18; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 1999;

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Đình D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 16/11/2017.

[2] Về án phí: Bị cáo Phạm Đình D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC ;
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố BMT;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết